

Số: 64 /GPMT-UBND

Tân Uyên, ngày 11 tháng 10 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Vật liệu mới Xingchen (Việt Nam) số 01/CVMT-XC ngày 30 tháng 9 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1402/TTr-PTNMT ngày 02/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Vật liệu mới Xingchen (Việt Nam), địa chỉ tại Nhà xưởng 4 và 5 (X23-25), lô X1, 2, 7 và 8, đường D6, D7 và N16, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Công ty TNHH Vật Liệu Mới Xingchen (Việt Nam) - sản xuất thùng đóng gói màng chống tĩnh điện công suất 10.000.000 sản phẩm/năm; túi đóng chuyên phát nhanh bưu chính công suất 5.000.000 sản phẩm/năm; màng bảo vệ chống tĩnh điện màn hình LCD công suất 5.000.000 sản phẩm/năm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: “Công ty TNHH Vật Liệu Mới Xingchen (Việt Nam) - Sản xuất thùng đóng gói màng chống tĩnh điện công suất 10.000.000 sản phẩm/năm; túi đóng chuyên phát nhanh bưu chính công suất 5.000.000 sản phẩm/năm; màng bảo vệ chống tĩnh điện màn hình LCD công suất 5.000.000 sản phẩm/năm”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng 4 và 5 (X23-25), lô X1, 2, 7 và 8, đường D6, D7 và N16, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3703189883, đăng ký lần đầu ngày 05/02/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

1.4. Giấy chứng nhận đầu tư số 1047204437 chứng nhận lần đầu ngày 01/02/2024 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương cấp.

1.5. Mã số thuế: 3703189883

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thùng đóng gói màng chống tĩnh điện, túi đóng chuyên phát nhanh bưu chính, màng bảo vệ chống tĩnh điện màn hình LCD.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích của dự án đầu tư: 21.727 m² (Hợp đồng cho thuê nhà xưởng, văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Quang Phúc theo số 52/24/QP-XCVN ngày 05/02/2024 tại Nhà xưởng 4 và 5 (X23-25), lô X1, 2, 7 và 8, đường D6, D7 và N16, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

- Quy mô: Dự án đầu tư có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Sản xuất thùng đóng gói màng chống tĩnh điện công suất 10.000.000 sản phẩm/năm; túi đóng chuyên phát nhanh bưu chính công suất 5.000.000 sản phẩm/năm; màng bảo vệ chống tĩnh điện màn hình LCD công suất 5.000.000 sản phẩm/năm.

- Quy trình sản xuất:

+ Quy trình sản xuất túi đóng chuyên phát nhanh bưu chính: Nguyên liệu (hạt nhựa PE màu trắng trong/có màu) → Khuấy trộn → Thổi màng (180 – 200°C) → Phân cắt → Tạo túi/hàn miệng túi → Kiểm tra → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất màng bảo vệ chống tĩnh điện màn hình LCD: Nguyên liệu (Hạt nhựa LDPE, butan) → Tạo bột (40 – 50°C) → Ép đùn thành hình (160 – 180°C) → Giải nhiệt → Cắt → Giữ nguyên 24h → Màng bán thành phẩm → Cán màng (nếu có) → Dập thành hình → Kiểm tra → Đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất thùng đóng gói màng chống tĩnh điện: Nguyên liệu

(hạt nhựa EPP/EPS) → Tạo bọt (70 – 90°C) → Giữ nguyên 24h → Ép đùn thành hình (160 – 180°C) → Sấy khô → Giữ nguyên 24h → Kiểm tra → Đóng gói → Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Vật liệu mới Xingchen (Việt Nam) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; Có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; Quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Từ ngày..... tháng..... năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2033.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố, UBND phường Khánh Bình tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Vật liệu mới Xingchen (Việt Nam);
- Phòng TNMT TPTU;
- Cổng Thông tin điện tử của UBNDTP;
- Lưu: VT. Đức.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Nguyên

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 04./GPMT-UBND ngày 11 tháng 10...
năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, không xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:****1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh:**

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại của nhà vệ sinh cạnh xưởng 5 sẽ theo đường ống PVC D114, dài 195 m dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày để xử lý.

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại của nhà vệ sinh cạnh văn phòng và nhà nghỉ chuyên gia sẽ theo đường ống PVC D114, dài 24 m dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày để xử lý.

Nước thải từ hoạt động của lò hơi (nước thải vệ sinh, xả đáy lò hơi và nước thải từ HTXLKT lò hơi) sẽ theo đường ống PVC D114, dài 30 m dẫn về cụm xử lý hóa lý để xử lý, sau đó theo đường ống PVC D114, dài 14m hòa cùng nước thải sinh hoạt và dẫn về hệ thống xử lý nước thải với công suất 10 m³/ngày đêm để xử lý.

Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình giải nhiệt và làm nguội được tái tuần hoàn sử dụng lại, không thải bỏ.

Nước thải sau xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Nam Tân Uyên sẽ theo đường ống PVC D114, dài 1 m dẫn về hố ga giám sát nước thải nằm ngoài hàng rào của công ty trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước của KCN tại 1 hố ga có tọa độ X = 1222220, Y = 0610109 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°) trên đường N16.



Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Nam Tân Uyên. Chủ đầu tư sẽ chịu trách nhiệm với công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Quang Phúc về chất lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án trước khi đầu nối với KCN Nam Tân Uyên. Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Quang Phúc sẽ chịu trách nhiệm với KCN Nam Tân Uyên và cơ quan chức năng về chất lượng nước thải của dự án. KCN Nam Tân Uyên sẽ chịu trách nhiệm tiếp tục xử lý nước thải của dự án đạt giới hạn tiếp nhận theo hồ sơ môi trường của KCN Nam Tân Uyên trước khi xả thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại nhà máy với lưu lượng 8 m³/ngày đêm → Bể tự hoại 3 ngăn (số lượng 3 bể, tổng thể tích 50,6 m³) (1)

Nước thải sản xuất:

Nước thải sản xuất (nước thải vệ sinh, xả đáy từ 2 lò hơi 6 tấn/h và nước thải từ HTXLKT lò hơi) → Hồ thu gom → Bể phản ứng hóa lý kết hợp lắng (2)

(1) + (2) → Hồ thu gom nước thải → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí anoxic → Bể sinh học hiếu khí aerotank → Bể lắng sinh học → Khử trùng → Hồ ga giám sát nước thải của Công ty → Hồ ga đầu nối nước thải với KCN Nam Tân Uyên.

- Tổng thể tích của các bể tự hoại: 50,6 m³

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

STT	Tên	Đơn vị	Khối lượng sử dụng
1	PAC	Tấn/năm	0,03
2	Polymer	Tấn/năm	0,05x10 ⁻³
3	Clorine	Tấn/năm	0,03

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc trường hợp phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát quá trình vận hành và có nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết các sự cố quá tải về lưu lượng.

- Vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của công trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với công trình xử lý nước thải.

- Quy trình ứng phó sự cố: Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải hoặc hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố và phải dừng hoạt động, nước thải phát sinh được tuần hoàn về lại hồ thu bể điều hòa. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, cam kết không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

- Định kỳ bảo dưỡng các công trình của bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải để tránh sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra và vệ sinh đường ống thoát nước, hồ ga để tăng khả năng xử lý nước và thoát nước.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút bùn từ bể tự hoại đưa đi xử lý.

- Không thải vào bể tự hoại các loại chất thải như nước mưa, nước chảy tràn bề mặt, các chất thải dạng rắn,...

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: thời gian dự kiến từ tháng 01/2025 đến tháng 02/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý nước thải có công suất thiết kế 10 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Nước thải đầu vào: tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải công suất 10m³/ngày.đêm;

Nước thải đầu ra (sau xử lý): Nước thải tại vị trí hồ ga nước thải cuối cùng trước khi đầu nối vào hồ thu gom nước thải của KCN Nam Tân Uyên.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ đầu tư có trách nhiệm giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của

công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải của KCN Nam Tân Uyên.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

- Thời gian lấy mẫu: 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (*giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải*).

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với nước thải đầu vào tại bể điều hòa và 03 mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, công suất 10 m³/ngày.đêm trong 3 ngày liên tiếp).

- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni, Tổng Nitơ (theo N), Tổng Photpho (theo P), Dầu mỡ, Coliform.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi Kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường thì phải thực hành trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.5. Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm, trong vòng 10 ngày chủ dự án phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến cơ quan cấp giấy phép môi trường theo quy định.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 64./GPMT-UBND ngày 11.tháng 10 năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn thải số 01: phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 1.
- Nguồn thải số 02: phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 2.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: 1 dòng khí thải tương ứng với ống thải sau 02 hệ thống xử lý khí thải từ hoạt động lò hơi số 1 và lò hơi số 2 có tọa độ X = 1222336, Y = 0610160.

Vị trí xả thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Vật liệu mới Xingchen (Việt Nam) tại Nhà xưởng 4 và 5 (X23-25), lô X1, 2, 7 và 8, đường D6, D7 và N16, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 36.000 m³/h

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Bụi và khí thải sau khi xử lý được xả thải ra môi trường thông qua ống thải; xả liên tục khi đang hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, Kp= 0,9; Kv= 1), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	--	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180		
3	SO ₂	mg/Nm ³	450		
4	NO _x	mg/Nm ³	765		
5	CO	mg/Nm ³	900		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 1: Khí thải và bụi phát sinh từ lò hơi số 1 → cyclone tổ hợp nhờ 01 quạt hút để xử lý, sau đó qua thiết bị ventury và tiếp tục qua hệ thống tháp hấp thụ để xử lý, sau đó được thoát ra ngoài thông qua 01 ống khói D = 1,6 m, cao 15 m.

- Nguồn số 2: Khí thải và bụi phát sinh từ lò hơi số 2 → cyclone tổ hợp nhờ 01 quạt hút để xử lý, sau đó qua thiết bị ventury và tiếp tục qua hệ thống tháp hấp thụ để xử lý, sau đó được thoát ra ngoài thông qua 01 ống khói D = 1,6 m, cao 15 m (thoát chung với ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ lò hơi số 1).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Gồm 02 công trình xử lý, quy trình công nghệ tương tự nhau:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải lò hơi → Hệ thống ống dẫn (đường kính D=0,3m) → Cyclone tổ hợp (Kích thước: D x H = 1,2 x 3,5 (m)) → Quạt hút (công suất 18.000 m³/giờ) → Thiết bị ventury (Kích thước: D x R (1,25 x 0,4 (m)) → Tháp hấp thụ dung dịch NaOH (kích thước D x H = 0,9 x 7,5 (m)) → Ống thải (đường kính 1.600 mm, cao 15m) → Khí sạch thoát ra.

- Công suất thiết kế:

+ Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi số 1: 18.000 m³/h.

+ Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi số 2: 18.000 m³/h.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các công trình xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo

người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động của các tổ máy để kiểm tra, khắc phục.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra toàn bộ hệ thống để khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: : thời gian dự kiến từ tháng 01/2025 đến tháng 02/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Vị trí đầu ra (ống thải) của 02 hệ thống xử lý khí thải từ hoạt động lò hơi số 1 và lò hơi số 2 có tọa độ X = 1222336, Y = 0610160

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ đầu tư dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian lấy mẫu: 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (giai đoạn điều chỉnh do chủ đầu tư tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải).

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu khí thải: Mẫu đơn tại ống thải khí thải.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn tại ống thải trước khi thải ra môi trường của công trình xử lý bụi, khí thải trong 03 ngày liên tiếp).

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, Bụi, CO, SO₂, NO_x.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số

08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi Kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường thì phải thực hành trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.5. Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm, trong vòng 10 ngày chủ dự án phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến cơ quan cấp giấy phép môi trường theo quy định.



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số GH./GPMT-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy móc, thiết bị của dây chuyền sản xuất túi đóng chuyên phát nhanh bưu chính.
- Nguồn số 02: Máy móc, thiết bị của dây chuyền sản xuất màng bảo vệ chống tĩnh điện màn hình LCD.
- Nguồn số 03: Máy móc, thiết bị của dây chuyền sản xuất thùng đóng gói màng chống tĩnh điện.
- Nguồn số 04: Hoạt động của lò hơi số 1.
- Nguồn số 05: Hoạt động của lò hơi số 2.
- Nguồn số 06: Quạt hút của hệ thống xử lý khí thải từ hoạt động của lò hơi số 1.
- Nguồn số 07: Quạt hút của hệ thống xử lý khí thải từ hoạt động của lò hơi số 2.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: có tọa độ X= 1222275, Y= 0610120
- Nguồn số 02: có tọa độ X= 1222261, Y= 0610106
- Nguồn số 03: có tọa độ X= 1222351, Y= 0610112
- Nguồn số 04: có tọa độ X= 1222345, Y= 0610157
- Nguồn số 05: có tọa độ X= 1222323, Y= 0610158
- Nguồn số 06: có tọa độ X= 1222339, Y= 0610160
- Nguồn số 07: có tọa độ X= 1222323, Y= 0610159

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
----	---------------------------	---------------------------	----------------------------	---------

1	70	55	-	<i>Khu vực thông thường</i>
---	----	----	---	---------------------------------

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	<i>Khu vực thông thường</i>

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.
- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 64./GPMT-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên).

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Nguồn phát sinh chất thải nguy hại phát sinh trung bình 1 năm cụ thể sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại(rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Bao bì mềm thải	Rắn	30	18 01 01	KS
2	Bao bì cứng thải	Rắn	50	18 01 02	KS
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	5	16 01 06	NH
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	20	17 02 04	NH
5	Ghế lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	100	18 02 01	KS
6	Hộp chứa mực in (các loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	Rắn	2	08 02 04	KS
Tổng số lượng			1.207		

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường:

STT	Nhóm CTCNTT	Số lượng (kg/năm)
1	Nhựa thừa, sản phẩm lỗi	155.000
2	Bao bì, thùng carton	100
3	Giấy vụn phòng thải	10
4	Tro xỉ từ quá trình đốt gia nhiệt lò hơi	226.126,08
5	Cặn lắng từ quá trình làm nguội	12
Tổng cộng		381.248,08

1.3. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

Dự án không phát sinh chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo quy định tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	100
Tổng		100

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thiết bị lưu chứa: thùng bằng nhựa PVC 240 lít (có nắp đậy)
- Tất cả các loại chất thải được phân loại, lưu chứa trong thùng riêng biệt, có dán nhãn ghi tên từng loại chất thải và biển báo nguy hiểm tùy tính chất của chất thải.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 15 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín mít, không bị thấm thấu, có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô)... theo quy định và có biển báo ghi rõ “Khu vực lưu chứa CTNH” và các biển báo nguy hiểm phù hợp với các loại chất thải đang lưu trữ.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 30 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Cấu tạo kết cấu nền bê tông, có mái che; phân riêng từng khu vực lưu chứa các loại chất thải và có biển báo ghi rõ tên khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: thùng nắp nhựa 20 lít, 50 lít và 240 lít.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Khu vực tập kết phải có nền bê tông chống thấm, không bị ứ đọng nước mưa.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật hóa chất và các văn bản liên quan.

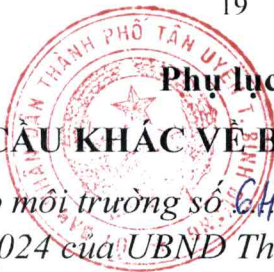
- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP phù hợp với nội dung phòng ngừa sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì



phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số CH/GPMT-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Hồ ga tiếp nhận nước thải của dự án trước khi đầu nối vào Khu công nghiệp Nam Tân Uyên có nắp sắt, được bố trí hờ (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước thải khi thải ra môi trường. Vị trí hồ ga đặt tại tường rào phía Nam của dự án (nằm ngoài khuôn viên dự án, tại vị trí hồ ga tiếp nhận nước thải của dự án hàng rào được xây hờ, có song sắt để giám sát) và có gắn biển báo "Điểm thoát nước thải của Công ty TNHH Vật liệu mới Xingchen (Việt Nam)".

3. Hồ ga thoát nước mưa cuối cùng của dự án trước khi thải ra môi trường phải được bố trí hờ (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước mưa khi thải ra môi trường. Vị trí hồ ga đặt tại tường rào phía Nam của dự án (nằm ngoài khuôn viên dự án, tại vị trí hồ ga tiếp nhận nước mưa của dự án hàng rào được xây hờ, có song sắt để giám sát) và có gắn biển báo "Điểm thoát nước mưa của Công ty TNHH Vật liệu mới Xingchen (Việt Nam)".

4. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Luôn thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

9. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.